

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày 28/ 3/ 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Minh Khương - Bí thư Đoàn TNCS HCM xã Tiên Phong.

Ông Nguyễn Đăng Bôi - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Thường Tín

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Tô Quốc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/01/2008; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị H1; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2024 đến 20/11/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

2. Trần Duy A, sinh ngày 17/6/2008; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT

và chỗ ở: KTT bệnh viện tâm thần TW I, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc Tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Quang V và bà Bùi Ngân H2; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2024 đến ngày 20/11/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

3. Nguyễn Minh N, sinh ngày 09/12/2007; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc Tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Cao K và bà Lê Thị Kim T1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2024 đến ngày 20/11/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

4. Lê Nguyễn Bảo Â, sinh ngày 13/02/2008; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Xóm B, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc Tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Xuân V1 và bà Nguyễn Thị N1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2024 đến ngày 20/11/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

5. Nguyễn Bình M, sinh ngày 04/02/2008; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc Tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị U; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2024 đến ngày 20/11/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

6. Lê Tùng D, sinh ngày 23/7/2008; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc Tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Xuân Đ và bà Cao Thị T3; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2024 đến ngày 20/11/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

7. Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 29/3/2008; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Thế A1 và bà Nguyễn Thị P; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/11/2024 đến ngày 20/11/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và bà Bùi Thị H1, sinh năm 1984; Cùng trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. (Đều có mặt)

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trần Duy A: Ông Trần Quang V, sinh năm 1977 và bà Bùi Ngân H2, sinh năm 1980; Cùng trú tại: KTT Bệnh viện T8, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. (Bà H2 vắng, ông V có mặt)

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Minh N: Bà Lê Thị Kim T1, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. (Đều có mặt)

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Nguyễn Bảo Â: Ông Lê Xuân V1, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1989; Cùng trú tại: Xóm B, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. (vắng mặt, ông nội là Lê Văn T4 có mặt)

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Bình M: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964 và bà Lê Thị U, sinh năm 1976; Cùng trú tại: Thôn B, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội. (ông T2 vắng mặt, bà U có mặt)

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Tùng D: Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1980 và bà Cao Thị T3, sinh năm 1984; Cùng trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. (Đều có mặt)

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Hải Đ1: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội. (Đều có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Duy A, Nguyễn Minh N, Lê Tùng

D: Ông Nghiêm Đức H3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Lê Nguyễn Bảo Â, Nguyễn Bình M, Nguyễn Hải Đ1: Bà Đỗ Thị T5 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H. (Có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Xuân P1, sinh ngày 06/11/2008; Trú tại: Thôn Y, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt)

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Xuân P1: Ông Nguyễn Xuân T6, sinh năm 1978 và bà Đinh Thị P2, sinh năm 1985, Cùng trú tại: Thôn Y, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội. (Đều có mặt)

- Anh Nguyễn Anh Q, sinh ngày 07/07/2009; Trú tại: Xóm B, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt)

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Anh Q: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1970 và bà Lê Thị H4, sinh năm 1973, Cùng trú tại: Xóm B, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. (Ông B vắng mặt, bà H4 có mặt)

- Anh Trần Văn Tiến D1, sinh ngày 08/01/2009; Trú tại: Thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; (Có mặt)

Người đại diện theo pháp luật của anh Trần Văn Tiến D2: Ông Trần Văn C, sinh năm 1986 và bà Vũ Thị X, sinh năm 1987, Cùng trú tại: Thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội. (Ông C vắng mặt, bà X có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Anh Q, Trần Văn Tiến D1: Ông Nguyễn Anh T7 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H. (Có đơn xin xét xử mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Nguyễn Văn T và Trần Duy A với Nguyễn Xuân P1, nên

tối ngày 09/11/2024, tại quán C1 ở tiểu khu N, thị trấn T, huyện T, T và Duy A đã bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Anh Q, Lê Nguyễn Bảo Â, Nguyễn Bình M, Nguyễn Minh N đi tìm P1 để đánh. Kế hoạch mà T và Duy A đưa ra là nhờ Q gọi P1 ra một địa điểm nào đó mà nhóm của T đã đợi sẵn rồi cùng đánh P1, làm cho P1 bất ngờ, tất cả đồng ý. Sau đó, Q liên hệ với Trần Văn Tiến D1 để nhờ D1 gọi P1 ra khu vực Quảng trường, thị trấn T để đánh P1 thì D1 đồng ý. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 11/11/2024, tại quán C1 ở thị trấn T gồm có: T, Duy A, Q, Bảo Â, Minh N, B, Lê Tùng D và Nguyễn Hải Đ1. Quá trình ngồi uống nước, T và Duy A bảo tìm xem có thằng P1 không thì tất cả đồng ý đi tìm P1. Khi nhóm T đi qua quán F1 đối diện quán C2+ ở tiểu khu N, thị trấn T thì nhìn thấy P1, khi thấy P1 ở trong quán F1 thì nhóm của T đi về quán cà phê Luật ngồi uống nước tiếp. N lúc này nói với T "khi nào hẹn được P1 thì gọi tôi đến đánh cùng", T đồng ý. Đồng thời T và Duy A phân công Q đi ra quán F1 đứng rình P1, đợi bao giờ P1 về thì chặn lại và gọi cho T, Q nói lại với T: "thôi để em zích nó ra vòng xuyên" (ý là để Q trả vờ gọi P1 ra có việc để P1 tin đi ra thì tất cả cùng xông vào đánh P1). T bảo mọi người uống nước xong rồi đi ra Quảng trường đợi P1 ra để đánh, tất cả đều đồng ý. T điều khiển xe mô tô Honda wave màu đen nhám chở D; Â điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu trắng chở M, Duy A điều khiển xe honda dream đi một mình, Đ1 điều khiển xe mô tô honda dream đi một mình, Q điều khiển xe mô tô honda Airblade màu đen đi ra Quảng trường rồi ngồi đợi ở vỉa hè vị trí cổng vào. Khi đi ra Quảng trường, Q gặp D1 rồi bảo D1 gọi P1 đi ra vòng xuyên. Khi cả nhóm đang ngồi ở Quảng trường thì thấy P1 điều khiển xe mô tô đi một mình đến và dừng xe dưới lòng đường gần cổng Quảng trường cách chỗ nhóm T ngồi khoảng 05 mét. Thấy P1 dừng xe thì T chạy ra rút chìa khoá xe của P1, túm áo, dùng chân tay không đánh P1, Q cũng lao vào đập vào xe mô tô của P1 làm xe đổ và cùng T đấm P1 thì P1 bỏ chạy bộ theo hướng ra vòng xuyên. Lúc này N đi xe mô tô đến hô to: "Đ.m.m chạy đi, chạy đi" (ý thách thức đó P1 chạy được), rồi N đỗ xe và cùng Q nhảy lên xe mô tô Honda Dream II màu tím, biển kiểm soát 29Y5-720.73 do Duy A đang điều khiển; Â điều khiển xe mô tô Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 29AY-015.22 chở M chạy xe ngược chiều dưới lòng đường; D điều khiển xe mô tô Honda Wave màu

đen, biển kiểm soát 29Y5-883.68 chở T chạy trên vỉa hè đuổi theo P1 khoảng 57m đến quán nước của chị Đỗ Thị N2 ở khu vực phía Tây - Nam của Quảng trường thì giữ được P1 lại. Lúc này, T lao vào túm áo P1, vừa hô: “mày ra đây, mày ra đây” vừa kéo P1 ra rìa đường rồi nhóm T lao vào dùng chân tay không đâm đá P1, quá trình bị đánh P1 có làm rơi chiếc điện thoại di động Iphone 12 Promax 128G. Nhóm của T vừa đánh vừa hò hét trong khoảng từ 07 đến 10 phút. Sau khi đánh P1 thì cả nhóm lên xe bỏ đi.

Hậu quả:

- Nguyễn Xuân P1 bị vết thương vùng mũi kích thước (0,3x0,2)cm, có vết sưng bên trên lông mày phải, đau vùng mặt và hai bên vai.

- 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax 128G của Nguyễn Xuân P1 bị hư hỏng màn hình cảm ứng. Thu giữ gồm:

- 01 (một) xe mô tô Honda Dream II màu tím, biển kiểm soát 29Y5-720.73, là phương tiện do Trần Duy A sử dụng để đi đánh nhau.

- 01 (một) xe mô tô Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 29AY-015.22, là phương tiện do Nguyễn Bình M sử dụng để đi đánh nhau.

- 01 (một) xe mô tô Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 29Y5-883.68, là phương tiện do Lê Tùng D sử dụng để đi đánh nhau.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T, Lê Tùng D, Trần Duy A, Lê Nguyễn Bảo Ân, Nguyễn Bình M, Nguyễn Minh N, Nguyễn Hải Đ1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSTT ngày 10 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đã truy tố Nguyễn Văn T, Lê Tùng D, Trần Duy A, Lê Nguyễn Bảo Ân, Nguyễn Bình M, Nguyễn Minh N, Nguyễn Hải Đ1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự đối với các bị cáo, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tùng D, Trần Duy A, Lê Nguyễn Bảo Â, Nguyễn Bình M, Nguyễn Minh N, Nguyễn Hải Đ1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Nguyễn Văn T từ 18 - 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Trần Duy A từ 18 - 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Lê Tùng D từ 15 - 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Lê Nguyễn Bảo Â từ 15 - 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 20 - 30 tháng.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Nguyễn Bình M từ 15 - 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 20 - 30 tháng.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Nguyễn Minh N từ 15 - 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 20 - 30 tháng.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều

91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Nguyễn Hải Đ1 từ 15 - 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 20 - 30 tháng.

Giao các bị cáo cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

+ Trả lại 01 (một) xe mô tô Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 29AY-015.22 cho bà Lê Thị U quản lý sử dụng.

+ Trả lại bà Cao Thị T3 01 (một) xe mô tô Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 29Y5-883.68 .

- Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự giải quyết xong, không ai có ý kiến gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện hợp pháp cho các bị cáo; Người bào chữa cho các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Duy A, Nguyễn Minh N, Lê Tùng D - Ông Nghiên Đức H5 trình bày: Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, bồng bột, một phần do gia đình thiếu sự giám sát, giáo dục dẫn đến các bị cáo phạm tội. Bị cáo T có thành tích tốt trong học tập, do nông nổi, hiểu biết pháp luật hạn chế nên đã phạm tội, các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương để các bị cáo có cơ hội tiếp tục học tập và gia đình có điều kiện giám sát, giáo dục các bị cáo.

* Người bào chữa cho các bị cáo Lê Nguyễn Bảo Â, Nguyễn Bình M, Nguyễn Hải Đ1 - Bà Đỗ Thị T5: Các bị cáo đều là người chưa thành niên phạm tội, tuổi đời còn trẻ,

nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo đều phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo A có thành tích học tập tốt, là học sinh giỏi toàn diện, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo Đ1 có hoàn cảnh khó khăn, thiếu sự giáo dục từ bố do bố đẻ bị cáo đã chết từ lúc bị cáo còn nhỏ, mẹ bị cáo một mình nuôi 3 con nhỏ; gia đình bị cáo có công với cách mạng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương để các bị cáo có cơ hội tiếp tục học tập.

Tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, với các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Nguyễn Văn T và Trần Duy A với Nguyễn Xuân P1, nên tối ngày 09/11/2024 và tối ngày 11/11/2024, tại quán C1 ở tiểu khu N, thị trấn T, huyện T,

TP Hà Nội, T và Duy A đã bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Anh Q, Lê Nguyễn Bảo Á, Nguyễn Bình M, Nguyễn Minh N, Lê Tùng D và Nguyễn Hải Đ1 đi tìm P1 để đánh. T và Duy A lên kế hoạch nhờ Q gọi P1 ra một địa điểm nào đó mà nhóm của T đã đợi sẵn để cùng đánh P1, tất cả thông tin phải bí mật làm cho P1 bất ngờ, tất cả đồng ý. Q liên hệ với Trần Văn Tiến D1 để nhờ D1 gọi P1 ra khu vực Quảng trường, thị trấn T để đánh P1. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 11/11/2024, tại quán C1 có: T, Duy A, Q, Á, N, M, D, Đ1 thì T, Duy A bảo đi tìm P1 thì tất cả cùng đi. Khi nhóm T đi qua quán F1 đối diện quán C2+ ở tiểu khu N, thị trấn T thì nhìn thấy P1 nên cả nhóm đi về quán cà phê Luật ngồi uống nước. T và Duy A phân công Q đi ra quán F đứng rình và đợi bao giờ P1 về thì chặn lại rồi gọi cho T, Q nói lại với T: "thôi để em zích nó ra vòng xuyên" (ý là để Q trả vờ gọi P1 ra có việc để P1 tin đi ra thì tất cả cùng xông vào đánh P1). T bảo mọi người uống nước xong rồi đi ra Quảng trường đợi P1 ra để đánh, tất cả đều đồng ý. Đến quảng trường, Q gặp D1 và bảo D1 gọi P1 đi ra vòng xuyên thì thấy P1 điều khiển xe mô tô đi một mình đến dừng xe dưới lòng đường gần cổng Quảng trường cách chỗ nhóm T ngồi khoảng 05 mét. Thấy P1 dừng xe T chạy ra rút chìa khoá xe của P1, túm áo, dùng chân tay không đánh P1, Q cũng lao vào đập vào xe mô tô của P1 làm xe đổ và cùng T đâm P1 thì P1 bỏ chạy bộ theo hướng ra vòng xuyên. Lúc này N đi xe mô tô đến hô to: “Đ.m.m chạy đi, chạy đi” (ý thách thức đố P1 chạy được), rồi N đỗ xe và cùng Q nhảy lên xe mô tô Honda Dream II màu tím, biển kiểm soát 29Y5-720.73 do Duy A đang điều khiển; Á điều khiển xe mô tô Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 29AY-015.22 chở M chạy xe ngược chiều dưới lòng đường; D điều khiển xe mô tô Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 29Y5-883.68 chở T chạy trên vỉa hè đuổi theo P1 khoảng 57m đến quán nước của chị Đỗ Thị N2 ở khu vực phía Tây - Nam của Quảng trường thì giữ được P1 lại. T lao vào túm áo P1, kéo P1 ra rìa đường rồi tất cả lao vào dùng chân tay không đánh P1 và hò hét trong khoảng từ 07 đến 10 phút. Sau khi đánh P1 thì cả nhóm lên xe bỏ đi. Hành vi của các bị cáo gây cản trở giao thông, gây náo loạn, mất trật tự trị an nơi công cộng, gây hoang mang, lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình gây nguy hại cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của

Nguyễn Văn T, Trần Duy A, Nguyễn Minh N, Lê Nguyễn Bảo Ân, Nguyễn Bình M, Lê Tùng D, Nguyễn Hải Đăng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến trật tự an ninh nơi công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do thiếu tu dưỡng bản thân nên các bị cáo vẫn cố ý phạm tội, do vậy cần đưa ra xét xử trước pháp luật và có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây nên mối đe dọa tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc xem xét cho các bị cáo lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội là người chưa thành niên còn đang đi học, bản thân các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 BLHS; Các Điều 119; Điều 124; K2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên để áp dụng mức án phù hợp và không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Duy A, Nguyễn Minh N, Lê Nguyễn Bảo Ân, Nguyễn Bình M, Lê Tùng D, Nguyễn Hải Đăng được hưởng án treo cải tạo địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Vụ án có đồng phạm, đánh giá tính chất, vai trò của từng bị cáo như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn T là người chủ động bàn bạc, rủ rê, tìm P1 lao vào đánh P1. Trần Duy A cùng bàn bạc với T, phân công, trở xe máy đèo D nên mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo T, Duy A tương đương nhau và cao hơn các bị cáo khác nên phải chịu mức hình phạt cao hơn là thỏa đáng.

- Bị cáo Nguyễn Minh N, Lê Nguyễn Bảo Â, Nguyễn Bình M, Lê Tùng D, Nguyễn Hải Đ1 là đồng phạm cùng tiếp nhận ý chí của T, Duy A lên kế hoạch bàn bạc và cùng thực hiện hành vi phạm tội, cùng điều khiển xe đi ngược chiều, đi trên vỉa hè, lạng lách, cùng tìm P1 để đánh. Các bị cáo có vai trò ngang nhau, nên có mức hình phạt bằng nhau là phù hợp pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; Gia đình bị cáo T, Trần Duy A, B có công với Cách M1 được tặng thưởng huân chương kháng chiến; Bị cáo Â, T có thành tích học tập tốt được tặng thưởng nhiều giấy khen; bị cáo Đăng bố chết sớm một mình mẹ nuôi ba con nhỏ hoàn cảnh khó khăn. Các bị cáo đang là học sinh còn tiếp tục đi học và đều có hoàn cảnh khó khăn nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với thương tích và tài sản hư hỏng là chiếc điện thoại của anh Nguyễn Xuân P1, do anh phú không đi giám định thương tích và các bên đã tự giải quyết xong về phần dân sự, anh Nguyễn Xuân P1 và đại diện hợp pháp không có yêu cầu bồi thường về thương tích cũng như tài sản hư hỏng nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 29AY- 015.22, xác định là tài sản chung của vợ chồng bà Lê Thị U, gia đình chỉ giao cho bị cáo Nguyễn Bình M sử dụng chiếc xe để đi học. Ngày 11/11/2024 gia đình không biết M liên quan đến vụ việc. Không phải là vật chứng vụ án nên trả lại bà Lê Thị U tiếp tục quản lý sử dụng là có căn cứ pháp luật.

- 01 (một) xe mô tô Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 29Y5-883.68, xác định là tài sản chung của vợ chồng bà Cao Thị T3, giao cho bị cáo xe để đi học, gia đình không

biết bị cáo D sử dụng khi phạm tội, không phải là vật chứng vụ án, trả lại bà Cao Thị T3 tiếp tục quản lý sử dụng là có căn cứ pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối tượng Nguyễn Anh Q, Trần Văn Tiến D1. Quá trình điều tra xác định thời điểm thực hiện hành vi ngày 11/11/2024 các đối tượng là người dưới 16 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về mặt hình sự là có căn cứ. Công an huyện T đã lập hồ sơ đề nghị UBND xã N và UBND xã V áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Ngày 16/01/2025, Chủ tịch UBND xã N ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Nguyễn Anh Q. Ngày 20/01/2025, Chủ tịch UBND xã V ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với Trần Văn Tiến D1 là có căn cứ pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô Honda Dream II màu tím, biển kiểm soát 29Y5-720.73, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe trên là tài sản của ông Trần Quang V (là bố đẻ của Trần Duy A). Duy A tự ý lấy chiếc xe trên đi tham gia đánh nhau, ông V không biết. Cơ quan điều tra đã ra trả lại chiếc xe trên cho ông V là có căn cứ.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; đại diện theo pháp luật của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tùng D, Trần Duy A, Lê Nguyễn Bảo Â, Nguyễn Bình M, Nguyễn Minh N và Nguyễn Hải Đ1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2/ Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Trần Duy A 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Lê Tùng D 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Lê Nguyễn Bảo Â 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Nguyễn Bình M 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Nguyễn Minh N 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Nguyễn Hải Đ1 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh N, Lê Tùng D cho UBND xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Duy A cho UBND xã H, huyện T, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Nguyễn Bảo Â cho UBND xã N, huyện T, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Bình M cho UBND xã D, huyện T, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Hải Đ1 cho UBND xã V, huyện T, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Trả lại 01 (một) xe mô tô Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 29AY-015.22 cho bà Lê Thị U.

- Trả lại 01 (một) xe mô tô Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 29Y5-883.68 cho bà Cao Thị T3.

(Hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/3/2025)

4/ Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Tùng D, Trần Duy A, Lê Nguyễn Bảo Ân, Nguyễn Bình M, Nguyễn Minh N và Nguyễn Hải Đ1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5/Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần Bản án, Quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội
- VKSND huyện Thường Tín;
- Công an TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo; Các đương sự khác;
- Lưu HSVA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Lan Hương

